

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Ô Môn - Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2025

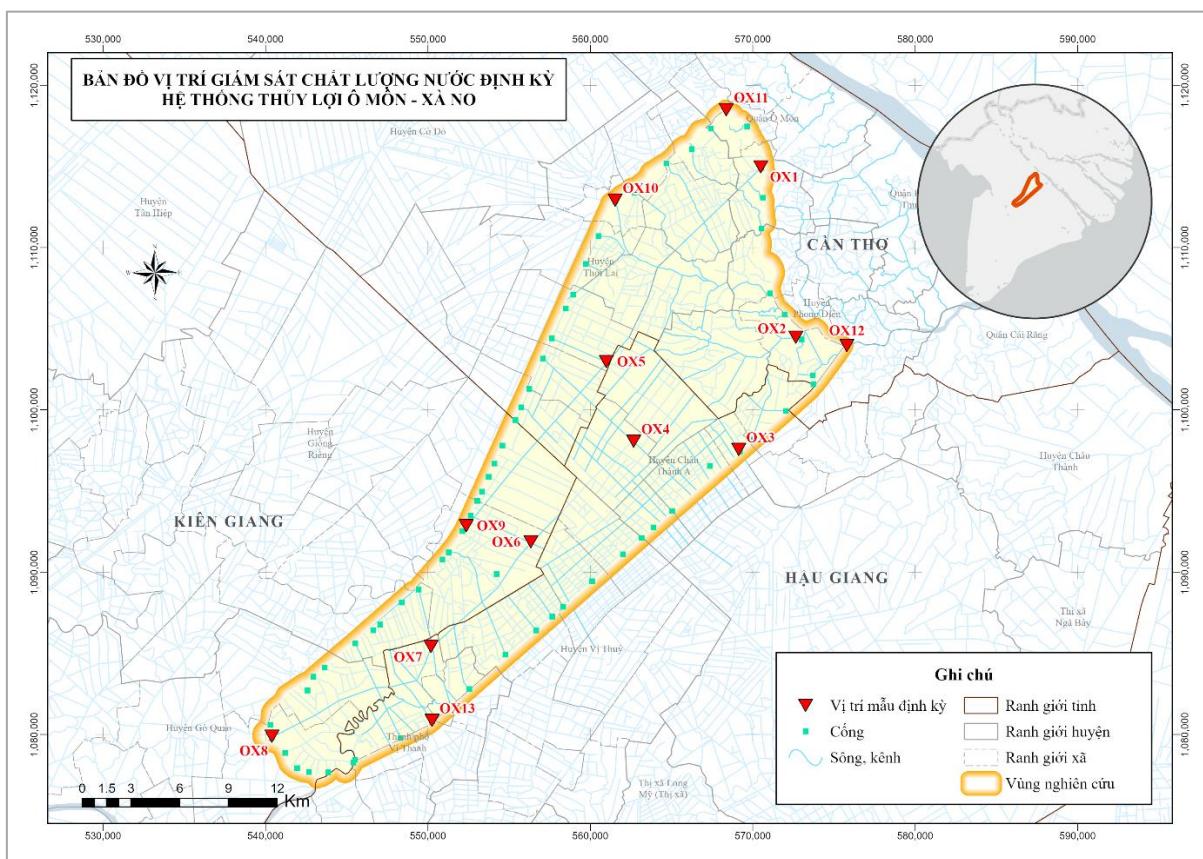
BẢN TIN TUẦN 11

Đợt đo ngày 13/4/2025, dự báo từ 25/4 đến 01/5/2025

I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 13/4/2025

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trục quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Phường/ Xã	Quận/ Huyện	Tỉnh/ Thành phố
			X	Y			
1	OX1	Cổng KH8-Đ	570.038	1.114.412	Trường Lạc	Ô Môn	Cần Thơ
2	OX2	Cổng KH9-Đ	572.511	1.104.363	Nhon Ái	Phong Điền	Cần Thơ
3	OX3	Cổng Bà Đàm C	569.025	1.097.787	Một Ngàn	Châu Thành A	Hậu Giang
4	OX4	Giao giữa kênh KH9 và 4000	562.609	1.098.063	Trường Long Tây	Châu Thành A	Hậu Giang
5	OX5	Kênh KH8 (gần kênh Tô Ma)	561.066	1.102.877	Trường Xuân	Thới Lai	Cần Thơ
6	OX6	Giao giữa kênh KH9 và 14000	556.360	1.091.827	Hòa Hưng	Giồng Riềng	Kiên Giang
7	OX7	Giao giữa kênh lộ 62 và KH9	550.263	1.085.552	Vị Tân	Vị Thanh	Hậu Giang
8	OX8	Cổng KH9-C	541.037	1.080.244	Vĩnh Hòa Hưng Nam	Gò Quao	Kiên Giang
9	OX9	Cổng KH8-C	552.403	1.092.846	Hòa Hưng	Giồng Riềng	Kiên Giang
10	OX10	Cổng Xẻo Xào	561.676	1.112.424	Thới Lai	Thới Lai	Cần Thơ
11	OX11	Cầu Ô Môn	568.242	1.118.461	Châu Văn Liêm	Ô Môn	Cần Thơ
12	OX12	Ngã 3 sông Cần Thơ và kênh Xà No, bên đò Vàm Xáng	575.794	1.103.901	Nhon Nghĩa	Phong Điền	Cần Thơ
13	OX13	Cầu Đoàn Kết, TP. Vị Thanh	550.523	1.080.890	Vị Tân	Vị Thanh	Hậu Giang

2. Kết quả tính toán chất lượng nước và khuyến cáo sử dụng nguồn nước

Bảng 2. Kết quả đo đặc chất lượng nước ngày 13/4/2025

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
1	OX1 (Cổng KH8-Đ)	6,62	29,90	0,20	18	2,76	5,72	4,67	1,10	0,199	4300	90	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng oxi hòa tan tại đây thấp hơn tiêu chuẩn cho phép theo mức B – Bảng 2, QCVN08:2023 nên khi sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản cần sục khí trước khi sử dụng.
2	OX2 (Cổng KH9-Đ)	6,66	30,00	0,20	25	2,67	5,08	5,72	0,88	0,248	4600	91	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
3	OX3 (Cổng Bà Đàm C)	6,72	30,10	0,20	12	2,02	5,24	5,56	0,77	0,201	4600	90	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
4	OX4 (Giao giữa kênh KH9 và 4000)	6,73	29,80	0,20	36	3,65	6,04	6,01	0,93	0,237	4300	92	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
5	OX5 (Kênh KH8 - gần kênh Tô Ma)	6,65	29,90	0,20	57	3,25	5,64	5,70	1,00	0,226	2400	98	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
6	OX6 (Giao giữa kênh KH9 và 14000)	6,50	30,10	0,20	32	3,41	7,17	5,47	1,16	0,208	2400	97	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
7	OX7 (Giao giữa kênh lộ 62 và KH9)	6,42	30,00	0,20	28	3,47	7,41	4,32	1,09	0,208	930	96	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
8	OX8 (Cổng KH9-C)	6,35	30,00	0,20	28	1,65	6,77	5,26	0,83	0,183	1500	97	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
													ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
9	OX9 (Cổng KH8-C)	6,49	29,90	0,20	61	3,59	7,82	5,42	1,04	0,244	9300	65	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng Coliform cao hơn quy chuẩn QCVN08:2023/BTNMT Bảng 2 – mức B, cần phải xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi sử dụng, thận trọng khi dùng nước để tưới cho các rau ăn lá kỳ thu hoạch.
10	OX10 (Cổng Xẻo Xào)	6,63	30,10	0,20	53	2,12	5,00	4,72	2,21	0,241	9300	64	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng tổng Nitơ cao hơn QCVN08:2023/BTNMT (Bảng 2 cột B), cần phải xử lý đảm bảo trước khi sử dụng. Không nên sử dụng trực tiếp cho mục đích ăn uống. Hàm lượng Coliform cao hơn quy chuẩn QCVN08:2023/BTNMT Bảng 2 – mức B, cần phải xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi sử dụng.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
													dùng, thận trọng khi dùng nước để tưới cho các rau ăn lá kỹ thu hoạch.
11	OX11 (Cầu Ô Môn)	6,67	30,00	0,20	31	3,53	4,92	5,31	0,67	0,23	2400	97	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
12	OX12 (Ngã 3 sông Cần Thơ và kênh Xà No, bến đò Vàm Xáng)	6,66	30,10	0,20	79	4,02	6,12	4,96	0,79	0,302	4600	89	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
13	OX13 (Cầu Đoàn Kết, TP. Vị Thanh)	6,71	30,10	0,20	44	3,41	5,96	4,87	0,78	0,241	9300	64	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng Coliform cao hơn quy chuẩn QCVN08:2023/BTNMT Bảng 2 – mức B, cần phải xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi sử dụng, thận trọng khi dùng nước để tưới cho các rau ăn lá kỹ thu hoạch.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
	QCVN08:2023/ BTNMT (Bảng 2, mức B)				≤ 100	≤ 6	≤ 15	≥ 5	≤ 1,5	≤ 0,3	≤ 5000		

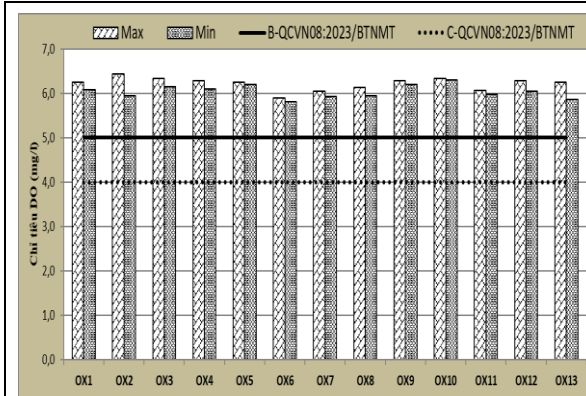
Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 25/4-01/5/2025

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 25/4-01/5/2025 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

1. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

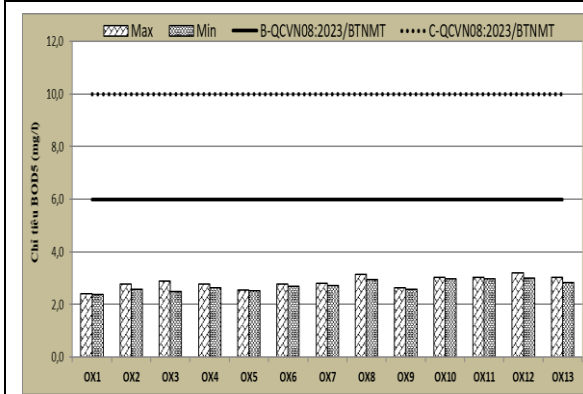
Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị DO nhỏ nhất biến đổi từ 5,80 mg/l đến 6,43 mg/l. Các trạm đều có giá trị DO nằm trên mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước DO đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 25/4-01/5/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	25/04	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05
1	OX1	6,07	6,12	6,20	6,20	6,25	6,21	6,09
2	OX2	6,03	5,94	6,22	6,28	6,43	6,36	6,36
3	OX3	6,25	6,15	6,28	6,18	6,34	6,27	6,29
4	OX4	6,13	6,10	6,14	6,17	6,20	6,25	6,27
5	OX5	6,20	6,22	6,24	6,24	6,24	6,24	6,23
6	OX6	5,80	5,80	5,86	5,90	5,89	5,83	5,89
7	OX7	5,93	5,96	5,97	6,02	6,04	6,02	6,01
8	OX8	5,94	5,97	6,07	6,03	6,02	6,09	6,13
9	OX9	6,20	6,21	6,23	6,24	6,27	6,28	6,26
10	OX10	6,30	6,30	6,30	6,31	6,30	6,29	6,33
11	OX11	5,98	5,98	5,98	5,99	5,99	6,04	6,07
12	OX12	6,20	6,05	6,26	6,27	6,28	6,21	6,05
13	OX13	5,86	5,90	6,03	6,15	6,03	6,25	6,12

2. Chỉ tiêu BOD₅



Hình 3. Giá trị BOD₅ dự báo

Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị BOD₅ lớn nhất biến đổi từ 2,38 mg/l đến 3,21 mg/l. Một số điểm có giá trị BOD₅ ở mức cao như OX3, OX8, OX10, OX11 và OX12. Tuy nhiên nhìn chung giá trị BOD₅ trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

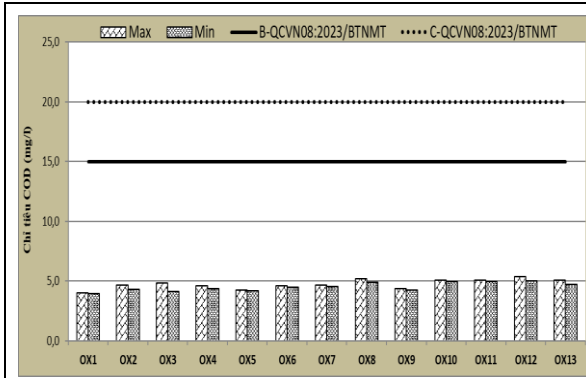
Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước BOD₅ trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4. Kết quả dự báo thông số BOD₅ các trạm từ ngày 25/4-01/5/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	25/04	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05
1	OX1	2,40	2,40	2,39	2,38	2,38	2,38	2,39
2	OX2	2,59	2,57	2,59	2,60	2,71	2,76	2,78
3	OX3	2,76	2,75	2,48	2,65	2,75	2,63	2,89
4	OX4	2,63	2,66	2,67	2,70	2,69	2,74	2,77
5	OX5	2,51	2,51	2,52	2,52	2,53	2,54	2,55
6	OX6	2,68	2,73	2,75	2,77	2,77	2,75	2,76
7	OX7	2,73	2,74	2,74	2,76	2,80	2,78	2,80
8	OX8	3,05	2,94	2,98	3,12	3,13	3,10	3,13
9	OX9	2,56	2,57	2,58	2,60	2,61	2,62	2,63
10	OX10	2,96	2,97	2,99	3,02	3,03	3,03	3,04
11	OX11	3,03	3,02	2,98	2,97	3,01	3,03	3,04
12	OX12	3,04	3,16	3,21	3,07	3,09	3,01	3,16
13	OX13	2,90	2,91	2,85	2,96	2,84	3,04	2,98

3. Chỉ tiêu COD



Hình 4. Giá trị COD dự báo

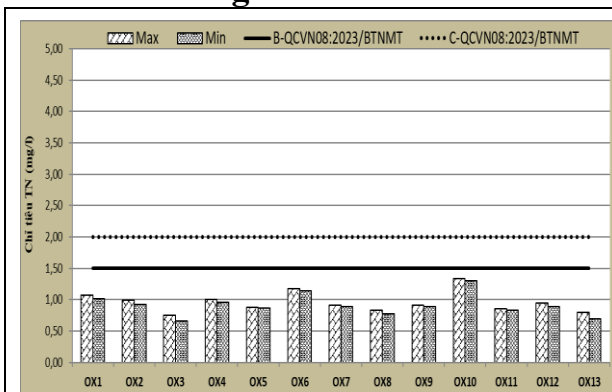
Tương đồng với xu thế BOD5, dự báo trong 7 ngày tới, giá trị COD lớn nhất biến đổi từ 3,96 mg/l đến 5,35 mg/l. Một số khu vực có giá trị COD cao như OX3, OX8, OX10, OX11 và OX12. Tuy nhiên, nhìn chung giá trị COD trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước COD trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 25/4-01/5/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	25/04	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05
1	OX1	4,00	4,00	3,99	3,97	3,96	3,97	3,98
2	OX2	4,31	4,28	4,31	4,34	4,52	4,60	4,63
3	OX3	4,60	4,58	4,14	4,42	4,58	4,38	4,82
4	OX4	4,39	4,43	4,45	4,50	4,48	4,57	4,62
5	OX5	4,18	4,18	4,19	4,21	4,22	4,24	4,25
6	OX6	4,46	4,55	4,58	4,62	4,61	4,58	4,60
7	OX7	4,55	4,56	4,57	4,59	4,66	4,63	4,66
8	OX8	5,08	4,90	4,97	5,21	5,22	5,17	5,22
9	OX9	4,27	4,29	4,30	4,33	4,35	4,37	4,38
10	OX10	4,94	4,96	4,99	5,03	5,05	5,05	5,06
11	OX11	5,06	5,03	4,97	4,94	5,01	5,05	5,06
12	OX12	5,06	5,27	5,35	5,12	5,16	5,02	5,26
13	OX13	4,84	4,86	4,75	4,93	4,74	5,06	4,97

4. Chỉ tiêu tổng Nito - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị TN lớn nhất biến đổi từ 0,66 đến 1,33 mg/l. Một số khu vực có giá trị TN cao như OX1, OX2, OX4, OX6, OX10 và OX12. Tuy nhiên, nhìn chung giá trị TN trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước TN trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 6. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 25/4-01/5/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	25/04	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05
1	OX1	1,02	1,04	1,07	1,07	1,06	1,03	1,02
2	OX2	0,93	0,94	0,96	0,92	0,98	0,98	0,99
3	OX3	0,74	0,73	0,73	0,66	0,75	0,69	0,75
4	OX4	0,96	0,97	0,97	0,98	0,98	1,00	1,01
5	OX5	0,86	0,87	0,87	0,87	0,87	0,88	0,88
6	OX6	1,14	1,16	1,16	1,17	1,17	1,17	1,17
7	OX7	0,89	0,89	0,89	0,89	0,91	0,90	0,91
8	OX8	0,80	0,77	0,78	0,82	0,82	0,81	0,83
9	OX9	0,89	0,89	0,90	0,90	0,90	0,91	0,91
10	OX10	1,30	1,31	1,31	1,32	1,33	1,33	1,33
11	OX11	0,86	0,85	0,84	0,83	0,85	0,86	0,86
12	OX12	0,90	0,91	0,94	0,91	0,92	0,89	0,94
13	OX13	0,71	0,74	0,71	0,75	0,69	0,80	0,77

III. Kết luận, kiến nghị

Kết quả phân tích đợt 06 – ngày 13/4/2025 cho thấy nguồn nước trong HTTL Ô Môn – Xà No cho thấy chỉ số WQI ở mức khá tốt, đáp ứng cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp nhưng cần áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Hàm lượng coliform tại các vị trí OX9, OX10 và OX13 cao hơn mức B – bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT nên cần phải xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi sử dụng, thận trọng khi lấy nước tưới cho các loại rau ăn lá kỹ thu hoạch.

Vị trí OX10 có hàm lượng tổng nitơ cao hơn giới hạn cho phép theo mức B – Bảng 2 trong QCVN08:2023/BTNMT, nguyên nhân có thể là do việc sử dụng các loại phân bón quá nhiều ảnh hưởng đến nguồn nước.

Theo kết quả dự báo các chỉ số DO, BOD₅, COD, TN tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Ô Môn – Xà No từ ngày 25/4-01/5/2025, so sánh với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, nguồn nước đảm bảo để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay đang trong thời kỳ cuối của mùa khô, mực nước và lưu lượng trên các sông, kênh, rạch dự báo có xu thế tăng nhẹ trở lại nhưng vẫn ở mức thấp, nguy cơ tiềm ẩn ô nhiễm do tồn đọng chất thải trên các sông kênh, đặc biệt là tại các khu vực đông dân cư, vùng giáp nước và khu vực bên trong nội đồng. Kiến nghị các địa phương thường xuyên theo dõi cập nhật dự báo về nguồn nước và chất lượng nước liên quan đến HTTL Ô Môn – Xà No để kịp thời có biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo chất lượng nguồn nước cho sản xuất.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang, TP. Cần Thơ;
- Chi cục TL&MT Hậu Giang, Chi cục TL tỉnh Kiên Giang và TP. Cần Thơ;
- Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện/TP thuộc tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang, TP. Cần Thơ;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phạm Văn Mạnh